

(Dự thảo 2)

TỜ TRÌNH

Dự thảo xây dựng Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo xây dựng Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024 /NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Thực hiện Công văn số 2045/UBND-TH ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc khẩn trương rà soát, đề xuất xử lý đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không còn phù hợp;

Theo Công văn số 75/HĐND-VP ngày 25/3/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 965/UBND-TH ngày 28/3/2025 về việc phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND);

Theo ý kiến của Cục kiểm tra văn bản pháp luật đối với Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ

hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương” và theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương là “Ủy ban nhân dân”. Tuy nhiên, tại Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập) cho chủ thể được phân cấp là “cá nhân” nên không phù hợp.

Bên cạnh đó, ngày 28/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Theo đó, Nghị định số 50/2025/NQ-CP sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong quản lý, sử dụng tài sản công.

Từ những nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích ban hành

Nhằm cụ thể hóa các quy định tại các điều, khoản do Chính phủ giao Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Tạo cơ sở pháp lý để xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý nhà nước về tài sản công; Nâng cao tính chủ động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh.

Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp hành tốt quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Quan điểm xây dựng

Để việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng được liên tục, đúng quy định, đúng thẩm quyền. Quan điểm xây dựng Nghị quyết như sau:

- Rà soát, kiểm tra để xây dựng dự thảo đảm bảo theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản pháp luật Bộ Tư pháp đối với Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công

tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Kế thừa những quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân còn phù hợp.

- Cập nhật bổ sung một số quy định mới do Hội đồng nhân dân tỉnh phải phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Việc soạn thảo, ban hành dự thảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phải đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản;

- Chỉ phân cấp thẩm quyền đối với những nội dung mà Nghị định của Chính phủ giao nhiệm vụ Hội đồng nhân dân tỉnh. Những nội dung khác không quy định thì thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng tài sản công.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng, gồm:

- Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc.

- Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết này không quy định phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).
2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi là tổ chức).
3. Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là đơn vị).
4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện Công văn số 2045/UBND-TH ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc khẩn trương rà soát, đề xuất xử lý đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không còn phù hợp;

Theo Công văn số 75/HĐND-VP ngày 25/3/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 965/UBND-TH ngày 28/3/2025 về việc phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

1.1 Bố cục của Nghị quyết

Bao gồm 02 Điều như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1.2 Bố cục của Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Bao gồm 03 Chương 17 Điều như sau:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc chung

Điều 4. Nguồn kinh phí

Chương II. Quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Điều 15. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Chương III. Tổ chức thực hiện

Điều 17. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng, gồm:

- Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc.

- Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết này không quy định phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là đơn vị).

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý và sử dụng tài sản công phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc quyết định mua sắm, thuê tài sản công phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Nghị quyết này phải căn cứ theo phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao, nguồn kinh phí hợp pháp được sử dụng và tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết này khi quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản công phải đảm bảo tuân thủ theo các điều kiện, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách hàng năm; nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc giữ lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo

quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn tài chính hợp pháp khác được sử dụng theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó có bao gồm nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm phải thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết này.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao).

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với.

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm đối với tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này), (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

a) Tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản

của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:
 - a) Tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.
 - b) Xe ô tô.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:
 - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
 - b) Xe ô tô.
2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).
4. Trường hợp bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp nhưng không thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá:
 - a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.
 - b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:
 - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
 - b) Xe ô tô.
2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý:

a) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

b) Xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương làm chủ đầu tư (trừ xe ô tô).

Điều 15. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết

định đối với tài sản của các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Hiệu lực thi hành.

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối với các Quyết định về quản lý tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt./.

IV. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH XEM XÉT, THÔNG QUA

Dự kiến thời gian đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp giữa năm năm 2025.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách hàng năm về các đơn vị; nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc giữ lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn tài chính hợp pháp khác được sử dụng theo quy định pháp luật.

VI. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.

Trên đây là Tờ trình dự thảo xây dựng Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng thuộc thẩm quyền quyết

định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU;
- CT.TVL;
- Các sở: TC, TP;
- Lưu: VT, TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH